

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index một lần nữa thất bại trong việc chinh phục ngưỡng 1,340. Sau khi gặp áp lực chốt lời tại đây, chỉ số lùi về kết phiên tại 1,330.97 điểm, giảm hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/18 ngành tăng điểm. Ngành Truyền thông lợi dòng dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dầu khí; trong khi đó, ngành Du lịch & giải trí điều chỉnh mạnh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Mặc dù cây nến hôm nay có thân nến khá dài và gần như bao phủ cây nến tăng hôm trước, nhưng đã giảm vẫn dừng lại trước ngưỡng 1,330, diễn biến tiếp theo của thị trường phụ thuộc vào dòng tiền tại đây. Trong những phiên tới, dòng tiền có thể tiếp tục luân chuyển qua các ngành để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn. Tuy nhiên nhà đầu tư vẫn nên cẩn trọng với trường hợp chỉ số có thể giảm tiếp xuống 1,320 – 1,325.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 18/03/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-5.29** điểm, đóng cửa tại **1330.97** điểm. HNX-Index **+0.26** điểm, đóng cửa tại **247.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.53)**, **LPB (+0.53)**, **POW (+0.49)**, **BSR (+0.48)**, **SHB (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.79)**, **VPB (-0.77)**, **VIC (-0.75)**, **VCB (-0.68)**, **BID (-0.61)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,312** tỷ đồng, giảm **-3.74%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,652 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.68 điểm. Thị trường có **160** mã tăng, 66 mã tham chiếu, **318** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-434.89** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-332.66 tỷ)**, **SSI (-97.32 tỷ)**, **SAB (-50.68 tỷ)**, **HPG (-38.10 tỷ)**, **CTG (-37.27 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-26.16** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.68%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - BSR (+3.11%)**
 - PVS (+0.91%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - ACB (+0.38%)**
- BSC50 **+0.01%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - POW (+6.61%)**
 - VTP (+5.00%)**
 - GMD (+2.59%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.68%	0.01%	-0.40%	-0.45%
1 tuần	-1.01%	-1.53%	-0.12%	-0.35%
1 tháng	2.20%	2.76%	4.30%	3.59%
3 tháng	0.21%	3.76%	5.13%	4.42%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,330.97	247.03	100.29
% 1D	-0.40%	0.11%	-0.14%
GTGD (tỷ VND)	17,312	861	723
%1D	-3.74%	-15.67%	10.62%
GDNN (tỷ VND)	-434.89	-26.16	-29.64

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	107.43	FPT	-332.66
VCI	65.45	SSI	-97.32
VPI	48.13	SAB	-50.68
NAB	43.35	HPG	-38.10
VIC	40.61	CTG	-37.27

Thị trường thế giới

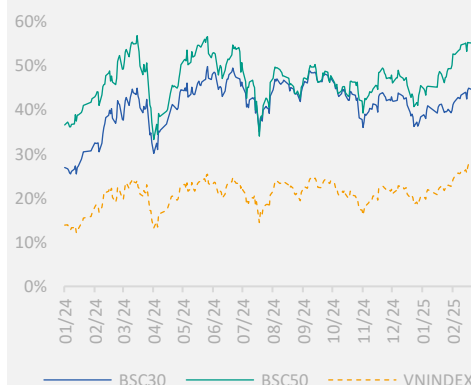
		%D	%W
SPX	5,675	0.64%	1.08%
FTSE100	8,722	0.48%	2.66%
Eurostoxx	5,492	1.09%	3.40%
Shanghai	3,430	0.11%	1.48%
Nikkei	37,859	1.24%	2.96%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.09	1.64%
Giá vàng	3,025	0.54%
Tỷ giá		
USD/VND	25,730	0.04%
EUR/VND	28,650	0.32%
JPY/VND	175	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

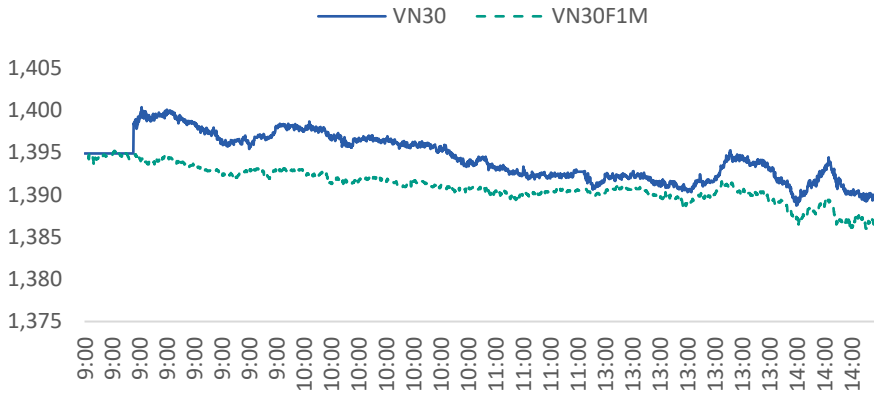
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1382.00	-0.36%	26	24%	9/18/2025	184
VN30F2504	1385.20	-0.42%	5,455	88%	4/17/2025	30
VN30F2503	1387.50	-0.20%	136,687	6%	3/20/2025	2
VN30F2506	1385.50	-0.04%	88	31%	6/19/2025	93

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -6.26 điểm, đóng cửa tại 1388.64 điểm. Biên độ dao động 11.74 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MBB, VIC, HPG, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo chỉ số xuống dưới tham chiếu từ giữa phiên sáng. VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản sụt giảm so với phiên trước. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSHB2402	3/28/2025	10	949,600	-78.85%	1.13	660	34.7%	5.23	2.45	11.60	11.25
CSHB2501	6/26/2025	100	506,300	-69.85%	0.99	1,390	18.8%	5.89	3.50	11.60	11.25
CSHB2401	5/14/2025	57	62,900	-73.02%	1.15	990	10.0%	5.23	3.13	11.60	11.25
CVHM2504	6/30/2025	104	62,600	-79.81%	4.45	2,550	6.3%	21.45	9.55	47.30	47.80
CACB2405	5/14/2025	57	1,100	-79.51%	2.55	710	6.0%	5.94	5.39	26.30	26.20
CHPG2502	9/26/2025	192	662,300	-75.36%	2.75	1,350	5.5%	8.31	6.80	27.60	27.85
CACB2501	7/28/2025	132	151,200	-77.91%	2.45	1,120	2.8%	7.96	5.81	26.30	26.20
CFPT2405	8/14/2025	149	900	-70.97%	13.41	2,450	2.1%	11.77	37.74	130.00	130.00
CFPT2404	11/4/2025	231	70,800	-56.27%	12.02	3,010	2.0%	7.94	56.85	130.00	130.00
CVNM2401	5/21/2025	64	258,500	-82.87%	6.33	570	1.8%	7.32	10.71	62.50	63.00
CFPT2502	10/27/2025	223	684,100	-81.85%	17.00	660	1.5%	11.35	23.60	130.00	130.00
CHPG2408	7/28/2025	132	307,200	-77.03%	2.70	910	1.1%	6.24	6.34	27.60	27.85
CACB2502	3/26/2026	373	61,900	-74.75%	2.80	1,920	1.1%	11.82	6.64	26.30	26.20
CTCB2504	1/9/2026	297	1,100	-61.28%	2.45	1,360	0.7%	4.17	10.61	27.40	27.45
CACB2503	10/27/2025	223	99,800	-78.71%	2.70	1,450	0.7%	11.84	5.60	26.30	26.20
CACB2505	10/9/2025	205	1,600	-73.23%	2.63	1,470	0.7%	7.91	7.04	26.30	26.20
CFPT2402	7/28/2025	132	123,500	-77.46%	13.41	4,000	0.0%	29.41	29.30	130.00	130.00
CFPT2504	5/26/2025	69	670,500	-85.08%	16.00	340	0.0%	11.41	19.40	130.00	130.00
CFPT2505	1/9/2026	297	159,300	-76.08%	15.80	1,530	0.0%	11.48	31.10	130.00	130.00
CHPG2507	6/30/2025	104	208,500	-84.93%	2.96	600	0.0%	12.34	4.16	27.60	27.85

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 18/03/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CSHB2402 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 34.69%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.52%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CMBB2505, CVPB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CMWG2506, CVIB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	35.40	2.02%	1.92
SHB	11.60	3.11%	1.06
ACB	26.30	0.38%	0.38
GAS	69.10	1.32%	0.10
GVR	33.40	1.06%	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	19.80	-1.98%	-1.62
MBB	23.90	-1.65%	-1.25
VIC	51.30	-1.54%	-0.86
HPG	27.60	-0.90%	-0.83
STB	38.40	-1.16%	-0.79

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	69.10	1.32%	0.53	2.34
LPB	35.40	2.02%	0.53	2.99
POW	12.90	6.61%	0.49	2.34
BSR	19.90	3.11%	0.48	3.10
SHB	11.60	3.11%	0.36	4.07

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

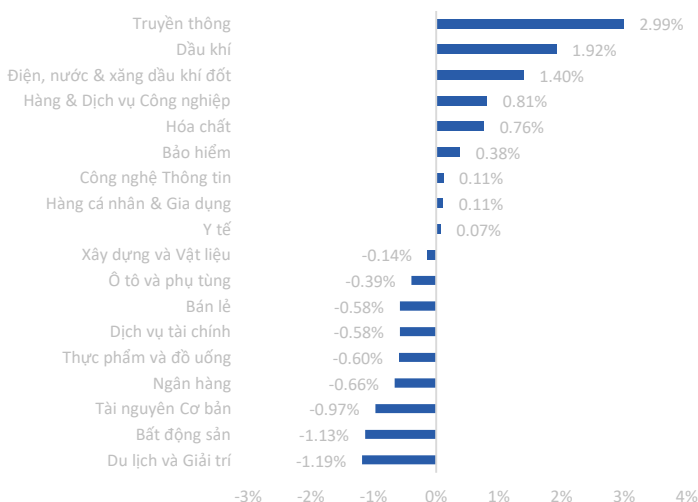
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SCG	81.20	9.88%	0.43	0.09
KSV	196.20	0.77%	0.19	0.20
THD	38.90	1.57%	0.15	0.38
PVS	33.20	0.91%	0.09	0.48
DNP	19.90	3.65%	0.06	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PDN	131.60	6.99%	0.08	0.03
DTA	4.76	6.97%	0.00	0.12
TMT	14.65	6.93%	0.01	0.03
FIR	8.24	6.87%	0.01	1.00
POW	12.90	6.61%	0.48	35.51

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	24.40	9.91%	0.03	0.00
SCG	81.20	9.88%	2.34	0.00
PRC	24.70	9.78%	0.01	0.02
MDC	15.90	9.66%	0.11	0.46
SFN	22.60	9.18%	0.02	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	42.00	-1.41%	-0.79	5.37
VPB	19.80	-1.98%	-0.77	7.93
VIC	51.30	-1.54%	-0.75	3.82
VCB	66.80	-0.74%	-0.68	5.59
BID	40.00	-0.87%	-0.61	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

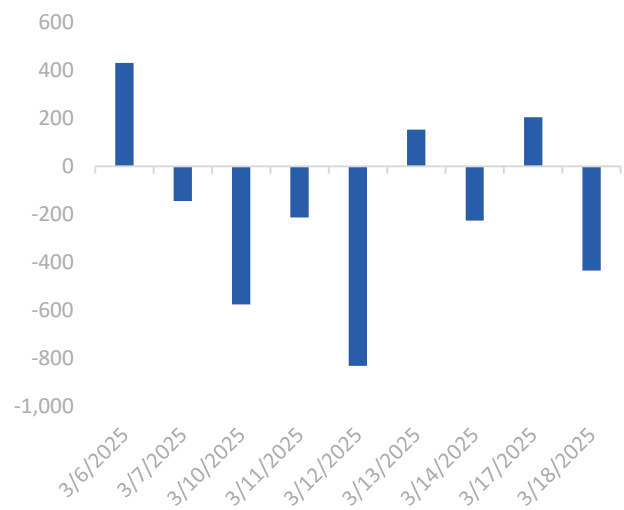
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	17.80	-5.32%	-0.21	0.35
CEO	15.20	-2.56%	-0.13	0.54
MBS	30.40	-0.98%	-0.11	0.57
HGM	325.00	-3.56%	-0.09	0.01
NVB	11.30	-0.88%	-0.07	1.17

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L10	23.25	-6.81%	0.00	0.00
SMA	11.65	-6.80%	0.00	0.00
SRC	26.00	-5.45%	-0.01	0.00
VPS	9.00	-4.76%	0.00	0.00
SC5	18.10	-4.74%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
S55	63.10	-9.99%	-0.22	0.21
QST	23.90	-8.78%	-0.02	0.00
CMC	6.40	-8.57%	-0.01	0.00
KKC	6.10	-7.58%	-0.01	0.00
HKT	6.40	-5.88%	-0.01	0.00

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	61.8	-0.3%	1.4	90,320	429.2	2,544	24.3		46.0%	
KBC	Bất động sản	29.5	-1.0%	1.3	22,606	94.8	555	53.1		19.5%	
KDH	Bất động sản	32.6	-1.8%	1.0	32,963	99.4	862	37.8		35.9%	
PDR	Bất động sản	20.5	-1.4%	1.9	17,899	154.5	643	31.9	23,600	7.6%	Link
VHM	Bất động sản	47.3	-1.1%	1.2	194,281	582.0	7,286	6.5	58,200	12.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	130.0	0.0%	0.9	191,239	735.3	5,371	24.2	163,000	43.9%	Link
BSR	Dầu khí	19.9	3.1%	0.0	61,700	129.2	202	98.7		0.3%	
PVS	Dầu khí	33.2	0.9%	1.0	15,868	120.8	2,473	13.4	40,300	18.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	31.8	-1.7%	1.6	22,859	276.5	1,571	20.2		43.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.8	-0.7%	1.3	52,578	922.3	1,536	17.5		38.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.1	-0.9%	1.7	28,078	321.2	1,537	25.4		28.1%	
DCM	Hóa chất	34.0	0.3%	1.1	18,000	50.5	2,682	12.7	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	107.3	0.3%	1.4	40,750	70.3	7,864	13.6	111,400	16.3%	Link
ACB	Ngân hàng	26.3	0.4%	0.9	117,473	174.7	3,759	7.0		30.0%	
BID	Ngân hàng	40.0	-0.9%	1.0	280,854	137.4	3,572	11.2	47,000	16.7%	Link
CTG	Ngân hàng	42.0	-1.4%	1.3	225,540	233.1	4,720	8.9		26.8%	
HDB	Ngân hàng	23.3	-0.6%	1.1	81,260	196.5	3,667	6.3		17.2%	
MBB	Ngân hàng	23.9	-1.7%	1.1	145,844	679.4	3,729	6.4	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	-0.8%	1.3	31,200	149.3	2,123	5.7	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.4	-1.2%	1.0	72,392	264.8	5,351	7.2		22.1%	
TCB	Ngân hàng	27.4	-0.2%	1.2	193,577	344.6	3,054	9.0	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.3	-0.6%	1.1	42,932	90.9	2,299	7.1	-	28.1%	Link
VCB	Ngân hàng	66.8	-0.7%	0.6	558,160	252.8	4,049	16.5		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.4	-0.5%	1.2	60,774	419.4	2,424	8.4		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.8	-2.0%	1.0	157,092	522.9	1,989	10.0	25,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	-0.9%	1.3	176,537	521.0	1,879	14.7	37,500	21.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.3	-2.9%	1.8	11,364	222.4	935	19.6	22,700	8.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	0.0%	1.4	9,839	144.7	2,712	10.8	31,000	8.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	69.6	-1.3%	1.2	100,109	441.2	1,345	51.8		25.3%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.5	-0.8%	0.7	130,622	205.9	4,494	13.9		50.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.1	-0.99%	1.6	8,789	31.0	2,042	19.6	19.0%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	180.0	-1.53%	0.6	24,524	96.6	2,331	77.2	33.2%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	53.3	0.57%	0.8	39,566	13.6	2,809	19.0	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	20.9	-0.95%	2.0	12,715	341.3	172	121.1	4.1%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.6	-2.06%	1.8	14,456	225.3	350	47.4	20.8%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	26.9	0.19%	1.4	4,798	183.6	377	71.3	2.9%	3.1%	
HDG	Bất động sản	28.0	0.72%	1.3	9,417	124.9	1,714	16.3	19.6%	9.4%	
IDC	Bất động sản	54.4	0.55%	1.0	17,952	31.0	6,050	9.0	21.2%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.7	-1.84%	1.4	13,343	145.8	1,346	25.7	40.1%	5.4%	
SIP	Bất động sản	89.1	-1.98%	0.0	18,759	122.6	5,555	16.0	5.4%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.3	-0.56%	1.2	7,973	67.1	1,809	24.5	2.3%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.7	-1.94%	1.6	11,794	85.5	1,466	12.0	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	51.3	-1.54%	1.3	196,154	412.3	3,026	17.0	9.2%	9.3%	
VRE	Bất động sản	18.5	-1.34%	1.1	41,924	232.2	1,802	10.2	17.9%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.7	1.46%	1.2	8,811	23.5	1,478	28.2	35.8%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.7	0.60%	0.9	52,984	54.8	2,275	18.3	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	23.5	1.74%	1.1	13,035	163.7	1,252	18.7	9.2%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	49.7	-1.88%	1.8	15,189	119.3	1,869	26.6	30.3%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.4	-0.98%	1.7	17,413	66.6	1,583	19.2	6.9%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.1	1.32%	0.6	161,879	193.4	4,439	15.6	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	6.61%	1.0	30,210	453.5	535	24.1	3.6%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.3	0.71%	0.9	33,583	44.7	4,237	16.8	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	98.4	-0.71%	0.5	53,295	229.3	2,632	37.4	12.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.7	-1.31%	1.8	19,466	84.8	1,910	11.9	7.7%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	2.59%	0.9	25,001	103.3	4,630	12.9	42.1%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.7	0.93%	1.2	5,903	47.6	4,658	10.4	11.0%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.6	0.59%	1.0	9,096	39.3	3,071	8.3	12.0%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	147.0	5.00%	0.0	17,902	67.5	3,144	46.8	6.6%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.2	0.34%	0.9	29,803	109.1	6,305	14.0	48.6%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	41.2	-0.84%	0.6	4,196	75.1	2,710	15.2	49.9%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.3	0.00%	1.3	2,734	19.2	2,575	8.7	16.1%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.7	0.00%	1.0	13,971	49.9	1,518	23.5	9.0%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	33.4	1.06%	1.6	133,600	141.7	1,053	31.7	0.6%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	20.3	-0.25%	1.0	37,813	582.3	1,786	11.4	3.9%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	35.4	2.02%	0.7	105,750	183.9	3,254	10.9	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	18.6	-1.07%	0.0	24,533	114.6	2,702	6.9	1.5%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.3	-1.31%	1.1	27,863	46.8	1,287	8.8	19.7%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.7	-2.79%	1.9	7,027	178.0	1,400	11.2	7.9%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.5	1.45%	1.5	4,646	43.4	182	96.0	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.4	0.76%	0.5	7,971	111.2	1,584	21.1	3.4%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.1	-0.97%	0.8	65,539	91.3	3,376	15.1	60.1%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	68.1	1.04%	1.3	15,285	73.5	5,496	12.4	25.7%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	120.2	1.01%	1.2	9,840	11.8	12,103	9.9	82.4%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.2	-0.95%	1.4	8,314	78.5	3,734	22.3	48.8%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	110.0	-1.87%	1.0	12,582	63.9	4,709	23.4	8.2%	28.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.9	-0.41%	2.0	3,081	25.4	3,545	13.8	6.5%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.5	-0.40%	1.6	5,403	105.7	937	13.3	6.7%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.3	0.43%	1.3	8,315	40.0	1,287	18.1	15.7%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.5	-1.91%	1.5	12,271	133.0	1,579	13.0	6.2%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	51.4	1.38%	1.2	23,045	43.8	2,464	20.9	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>